



# ĐỔI MỚI HÌNH THÁI CẤU TRÚC, CƠ CHẾ VẬN HÀNH VÀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

NHỊ LÊ\*

(Tiếp theo kỳ trước)

2.2. Trụ cột thứ nhất: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trụ cột này gồm 5 tiểu trụ cột hợp thành: 1- Quốc hội, 2- Chủ tịch nước, 3- Chính phủ, 4- Hệ thống tư pháp (Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao) và 5- Hệ thống chính quyền địa phương.

Nhà nước Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhất nguyên chế, không thể phân chia, nhưng có phân công, phân nhiệm theo các thiết chế trong thực thi quyền lực nhà nước, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước tập trung ở Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, do nhân dân bầu ra. Các cơ quan thiết chế khác của Nhà nước: Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đều được Quốc hội cử ra, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ của mình. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có chức năng lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân, về thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội; chịu trách nhiệm và báo

cáo công tác trước Quốc hội; là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt quốc gia về đối nội và đối ngoại.

Với tư cách là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp quốc gia, Chính phủ quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước một cách thống nhất. Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước; phải báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.

Nhân dân các địa phương bầu ra hội đồng nhân dân cấp mình. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Hội đồng nhân dân bầu ra ủy ban nhân dân. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính cấp trên.

Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân. Chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân là bảo vệ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Để thực hiện nhiệm vụ đó, các cơ quan này phải thực hiện một số nhiệm vụ, như khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử,...

\* TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

*Hệ thống tòa án* gồm Tòa án Nhân dân tối cao và các tòa án khác do luật định. Đó là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tòa án xét xử công khai. Các thẩm phán và hội thẩm khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật. *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao* thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, viện kiểm sát nhân dân địa phương, viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định.

Để đổi mới, xây dựng trụ cột thứ nhất, tối thiểu thực thi các nhóm công việc chủ yếu:

*Thứ nhất: Tiếp tục đổi mới nhận thức và tổ chức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Trên nền tảng *Hiến pháp*, tiếp tục đổi mới xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự dân chủ và thượng tôn pháp luật. Nhà nước Việt Nam, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực hiện toàn vẹn chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; xác lập mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân và với thị trường; bảo đảm năng lực quản lý và điều hành chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối tuân thủ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước chịu trách nhiệm chăm lo, phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp một cách vô điều kiện. Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả kinh tế vĩ mô, thực hiện đúng đắn và hiệu quả các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; xây dựng, từng bước hoàn thiện

cơ chế kiểm tra, giám sát tinh hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Nên hiểu rằng và thực tiễn cũng cho thấy, Hiến pháp và hệ thống pháp luật là sự thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, và được Hiến định, chứ tuyệt đối không phải rằng, "... trong thực tiễn thì không ít trường hợp chỉ thị, nghị quyết của Đảng mới là tối thượng. Thực chất chúng ta có hai hệ thống quyền lực song song, đó là hệ thống của Đảng và hệ thống của Nhà nước đi kèm theo là hai hệ thống tòa nhà của hai cơ quan đảng và nhà nước công kênh chưa từng có... Quốc hội là nhánh lập pháp có quyền lực cao nhất, song cũng còn nhiều hình thức, thực chất là Trung ương, Bộ Chính trị quyết... Chính phủ là nhánh hành pháp song cũng rất yếu, chủ yếu là chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng"(!), như có ý kiến đặt lại vấn đề.

*Thứ hai: Cải cách tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.*

Đổi mới tổ chức và hoạt động, bảo đảm Quốc hội ngang tầm và xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và cơ quan lập pháp. Quốc hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ nghị và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Quốc hội, hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử đại biểu Quốc hội để lựa chọn, bầu đúng và trúng những người thực sự tiêu biểu vào Quốc hội. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách; xác lập cơ chế để đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và bảo đảm trách nhiệm với cử tri. Hoàn thiện bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội. Nghiên cứu, trao quyền chất vấn cho Hội đồng Dân

tộc và các ủy ban của Quốc hội. Tiếp tục phát huy dân chủ, tính công khai, đối thoại, phân biệt trong thảo luận, hoạt động chất vấn tại diễn đàn Quốc hội.

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần được quy định cụ thể, tăng tính khả thi. Với chức năng của cơ quan lập pháp duy nhất, bảo đảm số lượng đại biểu chuyên trách cần thiết, việc xây dựng luật phải thuộc và chi thuộc về Quốc hội, chấm dứt tình trạng "vừa soạn thảo, vừa thực thi" - mầm mống của lợi ích nhóm và các nhóm lợi ích trong công tác lập pháp, "cơ quan thực thi soạn thảo ngược" biến công việc của Quốc hội thành thẩm định, phê chuẩn tượng trưng. Hạ thấp và hiểu sai công việc này là hạ thấp pháp quyền và là sự thất bại của công lý. Thực hiện nhiệm vụ quyết định và giám sát các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là các công trình trọng điểm của quốc gia, việc phân bổ và thực hiện ngân sách; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Phân định minh bạch quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ tinh gọn, hợp lý, trực tiếp, theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm tính pháp quyền và dân chủ trong điều hành; nâng cao năng lực dự báo, ứng phó và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ; không để trùng hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, ngành. Sắp xếp các bộ, sở, ban, ngành quản lý đa ngành, đa lĩnh vực để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

Với phương châm đó, Chính phủ được tổ chức thành 18 bộ và 4 cơ quan ngang bộ như hiện nay liệu đã phù hợp và tương dung với nhiệm vụ chưa?

Câu trả lời ở đây là, chưa tương dung toàn vẹn và cần tiếp tục đổi mới và cấu trúc lại bộ máy, sao cho Chính phủ gọn nhẹ, giữ đúng vai trò quản trị quốc gia điều hành theo luật. Có thể là: Sáp nhập các bộ tương đồng và gần nhau về chức năng, nhiệm vụ; cắt giảm các tổng cục; giữ đúng vị thế, vai trò là cơ quan quản lý nhà nước, thực thi trọng trách quản lý ngành. Chẳng hạn, có thể nhất nguyên chế các lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; giao thông vận tải và xây dựng; khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường; văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch... Một số lĩnh vực của Chính phủ tương đồng với các ban tham mưu của Đảng, như thanh tra và kiểm tra, tổ chức và cán bộ, nên chăng thu gọn một đầu mỗi công việc theo mô hình bộ máy đa chức năng thực thi tham vấn cho cả hai phía Đảng và Nhà nước một cách thống nhất?

Mặt khác, nghiên cứu, chỉnh đốn và xây dựng cơ quan quản lý nhà nước bao quát và phù hợp hơn. Chẳng hạn, lĩnh vực biển, quản lý và phát triển biển hiện nay vẫn là lĩnh vực vô cùng quan trọng mang tầm chiến lược, thì lại được tổ chức vừa rời rắm, vừa chồng chéo lại vừa bỏ ngỏ, vì nhiều bộ cùng quản lý: từ nông nghiệp, phát triển nông thôn tới tài nguyên và môi trường, du lịch... nhưng vẫn thiếu người có vị trí cầm cương và chịu trách nhiệm...

Chúng ta không sợ rơi vào tình trạng ô mồm, khi chức quản lý nhà nước được phân định minh bạch theo chức năng, nhiệm vụ, công cụ quản trị được chuẩn bị tốt nhất theo mô hình Chính phủ điện tử. Phương châm bao trùm của các bộ là: *Quản lý công việc và quản lý ngành theo pháp luật chứ không phải làm thay người thực thi* (các doanh nghiệp, các tổ chức ngành, nghề, xã hội và nhân dân) lâm vào tình trạng "vừa làm cầu thủ, vừa làm trọng tài". "năm thì bó, buông thì rối" xưa

này; giúp Chính phủ giữ đúng vai trò người quản trị quốc gia.

Đồng thời, tổ chức lại các tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc Trung ương tới tận cơ sở theo hướng sáp nhập, nhằm giảm đầu mối, trên cơ sở phù hợp về vùng lãnh thổ hoặc vùng kinh tế, về quy mô lãnh thổ, số dân, tương đồng về kinh tế, tương dung về văn hóa, truyền thống và xã hội; thực hiện phân cấp, phân quyền một cách dân chủ và hợp lý cho chính quyền địa phương đi đôi với nâng cao chất lượng quy hoạch và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát của Trung ương, gắn quyền hạn với trách nhiệm được giao. Nhất thiết có cần tới 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với 713 đơn vị cấp huyện và tương đương không? Câu trả lời là: Không! Đó chính là một trong những công việc xử lý mối quan hệ *Nhà nước và thị trường*. Chẳng hạn, có nhất thiết tổ chức hoàn chỉnh và nhất loạt hệ thống ngành dọc đơn vị cấp sở ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rập theo khuôn mẫu Trung ương không? Câu trả lời: Không. Lại chẳng hạn, ở cấp huyện và tương đương, đây là cấp trung gian, không quyết định ngân sách, không trực tiếp sống và làm việc với nhân dân... nên chẳng có thể không tổ chức một cách hoàn chỉnh cấp này chăng? Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể giảm bớt trung gian, vừa tập trung nguồn lực, vừa thực thi phân cấp, phân quyền một cách đủ mạnh, theo hướng giảm đầu mối trung gian, bảo đảm sự quản lý, điều hành linh hoạt ở tầm quốc gia một cách linh hoạt và thống nhất.

*Cải cách hành chính*, nhất là thủ tục hành chính; giảm và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Xã hội hóa các loại dịch vụ công trong dung với cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Cải cách đồng bộ tư pháp*, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn

thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, thống nhất, đồng bộ, tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức tòa án, bảo đảm thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; định vị hoạt động điều tra theo tố tụng và hoạt động trình sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Kiến tạo cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Đổi mới tổ chức hoạt động của *chính quyền địa phương*. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định và tổ chức thực hiện những chính sách trong phạm vi được phân cấp. Nghiên cứu mô hình tổ chức, thẩm quyền của chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

*Thứ ba: Tăng cường chính đốn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức trong sạch, đủ năng lực ngang tầm yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.*

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý cán bộ, công chức; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cán bộ, công chức; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Cần thiết phân định và minh định hai chức năng của bộ máy hành pháp: *chức năng hành pháp chính trị* (kiến tạo chính sách, quy định hành chính) và chức năng *hành chính*

*công vụ*, để lựa chọn từng loại viên chức chính trị và công chức hành chính phù hợp (bằng những phương thức tuyển lựa cụ thể). Đây là mắt khâu quan trọng quyết định chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của bộ máy hiện nay.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân. Thực hiện “nhất thể hóa” một số chức danh lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Thực hiện bầu cử, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

*Thứ tư: Phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí phải là công việc vừa cấp bách vừa lâu dài.*

Không khắc chế được tham nhũng về vật chất, quyền lực và lòng tin... thì nguy cơ mọi cuộc cải cách sẽ đổ vỡ và thất bại! Mọi cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ Trung ương đến cơ sở và từng đảng viên, trước hết là người đứng đầu, ý thức rõ điều sinh tử đó, phải trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, trước hết là tham nhũng về vật chất, tham nhũng quyền lực chính trị. Tiếp tục hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí. Nghiên cứu phân cấp, quy định rõ chức năng cho các ngành, các cấp trong phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện chế độ công khai, minh bạch và *trách nhiệm giải trình* về kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước; về cơ chế, chính sách, các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm tư vật ngân sách nhà nước, huy động đóng góp của nhân dân, quản

lý và sử dụng đất đai, tài sản công, công tác tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo quy định. Cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng. Hoàn thiện các quy định trách nhiệm của người đứng đầu khi đề cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra tham nhũng, lãng phí. Xử lý đúng pháp luật, kịp thời, công khai cán bộ tham nhũng; tịch thu, sung công tài sản tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. Xây dựng chế tài xử lý những tổ chức, cá nhân gây thất thoát, lãng phí lớn tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời kỷ luật nghiêm những người bao che, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Tôn vinh những tấm gương liêm chính. Đổi mới vị thế, cơ chế và mô hình tổ chức cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng tăng quyền lực đủ sức mạnh quyết định công vụ, theo đúng thẩm quyền.

Bảo đảm bằng pháp lý vị thế, vai trò của các cơ quan dân cử, của *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân* trong việc giám sát, phản biện công việc của Đảng, Nhà nước, cán bộ, công chức, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; tham gia quản lý công việc đất nước và xã hội.

*2.3- Trụ cột thứ hai: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Đây là một trong hai trụ cột căn bản, cùng với Nhà nước, hợp thành hệ thống chính trị Việt Nam. *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* (và các thành viên của Mặt trận: *Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ*

nữ Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh Việt Nam) là bộ phận hữu cơ của hệ thống chính trị; là cơ sở chính trị của Đảng, của chính quyền nhân dân. Đây là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và đồng bào Việt Nam định cư ở nước ngoài. Các đoàn thể chính trị - xã hội của nhân dân lao động: Tùy theo vị trí, tính chất, tôn chỉ và mục đích, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và đối ngoại nhân dân. *Cần tổ chức bộ máy tập trung, tinh gọn để thực thi công việc một cách liên thông và trực tiếp, tập trung sức mạnh tổng thể chứ không phải là sức mạnh của tổng số sức mạnh thành viên đơn lẻ! Phải khắc phục tình trạng bộ máy công kênh, chông chéo chức năng hiện nay.*

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận, có trọng trách bảo đảm và tôn trọng Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội. Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và thành tâm lắng nghe ý kiến phê bình của Mặt trận và các đoàn thể. Phương châm, phương pháp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân cần bảo đảm tính tự nguyện, dân chủ, hiệp thương, phối hợp hành động. Các tổ chức này thực thi đúng chức năng, nhiệm vụ cơ bản của mình trong quá trình đổi mới, cải cách là: vừa bảo vệ lợi ích chính đáng của các thành viên; vừa tổng hợp, vận động đoàn

kết, cùng nhau chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước, vì lợi ích của mình và của toàn dân tộc.

Theo đó, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết nhân dân xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước. Tăng cường *phản biện xã hội* đối với những quyết sách chính trị của Đảng và Nhà nước; đồng thời xây dựng *những thiết chế cụ thể* để bảo đảm cho nhân dân trực tiếp bày tỏ ý kiến và nguyện vọng của mình trong việc đấu tranh bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của chính bản thân họ, trong việc tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước và xã hội.

3- Về nguyên tắc, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam đổi mới

### 3.1- Về nguyên tắc vận hành

Hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc căn bản:

*Thứ nhất: Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trên nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Chủ quyền nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân thực hiện chủ quyền ấy bằng cách bầu ra các cơ quan quyền lực như Quốc hội, hội đồng nhân dân... Những cơ quan này thay mặt nhân dân thực thi quyền lực nhà nước; các đại biểu của nhân dân được ủy quyền thông qua bầu cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu và giới hạn bằng nhiệm kỳ.

*Thứ hai: Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc hoạt động cơ bản của hệ thống chính trị; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách,*

bảo đảm và kiểm soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hành của người đứng đầu bộ máy. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là một bộ phận của hệ thống chính trị vừa phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa thực hiện nguyên tắc hiệp thương dân chủ, thống nhất và phối hợp hành động.

*Thứ ba: Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; thực hiện sự phân cấp, bảo đảm tính chủ động và chịu trách nhiệm minh bạch của chính quyền địa phương, cơ sở...* Chi có như vậy, mới có khả năng cấu trúc lại bộ máy trên cơ sở định vị bộ máy theo chức năng, nhiệm vụ một cách khoa học, trực tiếp, tinh gọn và đa năng; tinh giản đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng tinh hoa, thành thực.

*Thứ tư: Nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và xã hội.* Đây là nguyên tắc cơ bản và bất biến.

3.2- *Đổi mới cơ chế kiểm soát quyền lực xuyên suốt và quán xuyên cơ chế vận hành của hệ thống chính trị*

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý hợp thành cơ chế tổng hòa trong quản lý toàn bộ xã hội; phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn...; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đó là ba mối quan hệ chính trị cơ bản nhất ở Việt Nam hiện nay nhằm kiến tạo và thực thi những vấn đề cơ bản của thể chế chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa. Có thể nói, đây là vấn đề căn bản của mọi vấn đề, quán xuyên và xuyên suốt mọi phương diện của đời sống chính trị xã hội đất nước.

*Cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị là sự vận hành một cách đồng bộ và thống nhất hệ thống các thể chế, các thiết chế liên quan trong kiểm soát quyền lực của Đảng, của Nhà nước và các thành viên của hệ thống chính trị, trên nền tảng Quốc pháp và Đảng cương nhằm bảo đảm các chủ thể kiểm soát*

*và các đối tượng kiểm soát hoạt động đúng vị thế, chức năng và nhiệm vụ của mình được Hiến định, theo pháp luật và Đảng cương.* Có nhiều phương thức kiểm soát quyền lực chính trị: Cơ chế kiểm soát quyền lực của chính bản thân Đảng, Nhà nước (các cơ quan nhà nước) là *cơ chế kiểm soát từ bên trong*; đồng thời, phương thức kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan của bộ máy Đảng, Nhà nước và kiểm soát của xã hội, của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước... được coi là *cơ chế kiểm soát từ bên ngoài*.

Theo đó, về *cơ chế kiểm soát quyền lực chính trị đối với Đảng*: Hơn 88 năm qua, kể từ lúc ra đời, sự lựa chọn của lịch sử và năng lực chủ quan, qua nhiều thăng trầm, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Và hiện nay, trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất vừa lãnh đạo, vừa cầm quyền. Nghĩa là thực thi đồng thời hai loại quyền lực: *quyền lực chính trị* (lãnh đạo) và *dân dặt quyền lực nhà nước* (cầm quyền).

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Quyền lực chính trị của Đảng được Hiến định tại Điều 4, Hiến pháp năm 2013, là quyền lực của một tổ chức chính trị “đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”, là “đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam”, Đảng thực thi quyền lực chính trị của các giai cấp, tầng lớp, lực lượng xã hội mà mình đại diện bằng cách định hướng và dẫn dắt Nhà nước, để thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước, hiện thực hóa quyền, lợi ích và ý chí của lực lượng xã hội mà mình đại diện.

Quyền lãnh đạo của Đảng được thừa nhận bởi nhân dân và khi trở thành đảng cầm quyền thì vai trò lãnh đạo đó được chế định trong Hiến pháp. Nhưng, dưới hình thức lãnh đạo nào, ở bất cứ thời kỳ nào, đặc trưng xuyên suốt của quyền lực lãnh đạo được thực thi và thể hiện ở chỗ Đảng lãnh đạo bằng sự lôi cuốn của mục tiêu chính trị - độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội và hấp dẫn bởi giá trị “là trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại” (VI. Lê-nin), “là đạo đức, là văn minh”, “là đưa con nôi của giai cấp lao động” (Hồ Chí Minh) mà Đảng lựa chọn và hy sinh: “Không có mục đích nào khác, ngoài lợi ích của Tô quốc, của nhân dân”, thể hiện ở cương lĩnh chính trị, đường lối chính trị; bằng tinh tiên phong, gương mẫu, hy sinh của người lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên của Đảng; bằng sự vận động, thuyết phục nhân dân qua hành động của đảng viên; tập trung cao nhất bằng sự ảnh hưởng, hấp dẫn và tỏa sáng một cách tự nhiên của Đảng - một thực thể chính trị trong xã hội bên cạnh các thực thể xã hội khác.

Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo bằng kiến tạo tâm nhìn chiến lược phù hợp thời đại và xu thế phát triển của dân tộc, xuất phát từ dân tộc. Tôi gọi đó là *cầm thời*. Đó là tâm nhìn chiến lược, óc viễn kiến của Đảng.

Theo đó, Đảng xây dựng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn phát triển đất nước và chính bản thân Đảng ngang tầm vị thế dẫn dắt quốc gia, trên nền tảng chính trị tư tưởng cách mạng và khoa học. Tôi gọi đó là *cầm đạo*. Đó là con đường phát triển của dân tộc mà Đảng dẫn dắt.

Đảng kiến tạo hệ thống Điều lệ, quy chế, quy định trong Đảng một cách khoa học và phù hợp bảo đảm vận hành bộ máy và đội ngũ đảng viên... nhằm nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị thực thi đường lối của Đảng. Tôi gọi đó là *cầm cương*. Đó là giềng mối của Đảng, rường cột của thể chế.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, kiểm tra, giám sát, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và các thành viên của hệ thống chính trị; thông qua tổ chức đảng và

đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tôi gọi đó là *cầm tương*. Đây là công việc gốc.

Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, và bằng hành động gương mẫu của đảng viên và hành động của toàn thể nhân dân thực thi quyết sách chính trị của Đảng, các đảng bạn ủng hộ Đảng. Tôi gọi đó là *cầm tâm*. Chính là lòng tin của nhân dân - nền móng tinh thần, tài sản cơ bản của Đảng, của thể chế!

Năm giữ hai tư cách quyền lực như thế, việc kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng trước hết, dù với tư cách nào, đều được chế định tại Điều 4, Hiến pháp năm 2013. Khi Đảng “là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” thì Đảng là một chủ thể lãnh đạo, thực thi quyền lực chính trị của giai cấp mà Đảng đại diện, chứ không phải là một chủ thể thực thi quyền lực nhà nước, dù trên thực tế, là đảng duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, có vai trò quyết định trong quá trình tổ chức ra Nhà nước. Đây là vấn đề căn bản, không thể làm lẫn. Mặt khác, quyền lực của Đảng khi là “lực lượng lãnh đạo”, thì nó được giới hạn bởi quyền lực của Nhà nước. Bởi, Đảng không phải là Nhà nước, nên không được phép làm thay công việc của Nhà nước. Cương lĩnh chính trị, đường lối chính trị của Đảng được thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và việc tổ chức thực thi và bảo vệ pháp luật là công việc của Nhà nước mà Đảng, với tất cả các tổ chức và tất cả các đảng viên của Đảng, có nghĩa vụ và quyền lợi gương mẫu chấp hành, không có ngoại lệ, không đứng trên hay bên cạnh luật pháp. *Đó chính là thước đo tính đúng đắn, tính khả thi, sức mạnh và hấp lực của cương lĩnh chính trị, đường lối chính trị của Đảng được pháp luật hóa, với ba tính chất chính danh, chính pháp và chính năng của người cầm quyền dẫn dắt dân tộc.*

Đồng thời, theo Hiến định: “Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp



và pháp luật”, “Đảng chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình” đã đặt Đảng bình đẳng trước pháp luật như mọi đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam. Đó chính là thước đo *vị thế cầm quyền, năng lực cầm quyền và trách nhiệm lịch sử cầm quyền của Đảng*. Tức là kiểm soát quyền lực của Đảng bằng *Quốc pháp*, tức Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. *Tinh chính danh và chính pháp cầm quyền* của Đảng được Hiến định và pháp luật hóa.

Để kiểm soát quyền lực của Đảng, *nhân dân thực hiện quyền giám sát* hoạt động của Đảng theo *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng và tại Điều 4, Hiến pháp năm 2013. Nhân dân giám sát Đảng một cách đa diện: tinh thần phục vụ nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các quyết định của mình, gắn bó mật thiết với nhân dân, các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức và đảng viên của Đảng... Mặt khác, việc kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng còn được thực hiện với các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội... Các hình thức kiểm soát này đều được chế định trong Hiến pháp, các văn bản luật và Điều lệ Đảng.

Việc kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng được thực thi bởi việc *đo lường hay định lượng hiệu quả lãnh đạo, lòng tin của Nhân dân, uy tín của Đảng trên trường quốc tế* theo vai trò, chức năng của Đảng cầm quyền được chế định bởi Hiến pháp và pháp luật. Đánh giá hiệu quả lãnh đạo của Đảng: Định lượng kết quả sự dẫn dắt, tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà Đảng đề ra; mức độ lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng; vị thế, sức mạnh và uy tín quốc gia dân tộc với những giá trị tiên bộ mang tầm vóc thời đại mà Đảng mang đến cho nhân dân và đất nước, cho dân tộc; và sự thừa nhận của các đảng chính trị và các quốc gia trên thế giới.

Đảng thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực của mình thông qua *“tự kiểm soát”* bằng các nguyên tắc, quy chế, quy định nội bộ, kỷ luật của Đảng bảo đảm tổ chức và hoạt động của Đảng ở tất cả tổ chức các cấp của Đảng và đối với từng loại đảng viên của Đảng theo Điều lệ Đảng bảo đảm *phù hợp với pháp luật*. Tôi gọi đó là *Đảng cương*. Nó phải thật sự tương đồng với *Quốc pháp*, trong kiểm soát quyền lực của Đảng. Đảng viên giữ cương vị càng cao trong Đảng càng chịu mức kỷ luật nặng hơn so với đảng viên không giữ chức vụ trong Đảng, khi vi phạm kỷ luật cùng loại, không kể đảng viên đương chức hay đã nghỉ hưu, để làm gương cho toàn thể đảng viên. Nhân dân đòi hỏi như vậy và Đảng cần ý thức như vậy. *Kiểm soát quyền lực của cán bộ, công tác cán bộ, các tổ chức của Đảng là công việc gốc của kiểm soát quyền lực trong Đảng*. Mọi mầm họa đối với bộ máy và thể chế thường bắt đầu từ khâu căn bản này. Điều cần nhấn mạnh, quyền và trách nhiệm của đại biểu dự đại hội đảng các cấp phải được định chế suốt nhiệm kỳ, để chủ động thực thi kỷ luật các thành viên cấp ủy do đại hội bầu gắn cùng với kỷ luật đảng từ cấp ủy cấp trên trực tiếp theo thẩm quyền, để thực thi kiểm soát quyền lực của Đảng.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy; gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, *chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động và chịu trách nhiệm trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*. Theo đó, ở đây, chủ thể quan trọng nhất trong kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng là nhân dân. Công cụ kiểm soát mạnh mẽ nhất hiện nay là chế định và các định chế của Hiến pháp và pháp luật. Vì vậy, thực thi các chế định của Hiến pháp, pháp luật về vai trò lãnh đạo của Đảng; về giám sát của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên; về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khuôn khổ pháp luật, về giám sát nội bộ Đảng... là những nhân tố bảo đảm kiểm

soát hữu hiệu quyền lực chính trị của Đảng, kiểm soát quyền và trách nhiệm lãnh đạo của Đảng. Nhưng, lòng tin của nhân dân đối với Đảng là thước đo quyết định vị thế, vai trò và trách nhiệm cầm quyền và uy tín của Đảng vô cùng quan trọng, thậm chí quyết định, dù các quyền giám sát, kiểm soát quyền lực khác đối với Đảng có thể được chế định bằng Hiến pháp và pháp luật một cách tổng thể. Cùng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đồng thời Đảng ta xây dựng Đảng về đạo đức, cũng một phần cơ bản, vì lý do vậy!

Tựu trung, việc kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng bằng Quốc pháp và Đảng cương đạt tới mức độ nào thì sức mạnh chính trị và uy tín chính trị của Đảng được bảo đảm một cách căn bản thành công tới mức độ đó. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng và sức mạnh của thể chế, dưới ngọn cờ của Đảng, được nhân lên và phát huy sức mạnh tới mức độ đó, uy tín quốc tế của Đảng được thừa nhận tới mức độ đó. Nghĩa là kiểm soát quyền lực của Đảng cả hai phương diện pháp lý và đạo lý!

Về cơ chế kiểm soát quyền lực của nhân dân và Nhà nước đối với nhân dân: Giữ địa vị chủ thể quyền lực nhà nước là nhân dân. Nói cách khác, duy chỉ nhân dân mới có chủ quyền đối với quyền lực nhà nước. Nhưng nhân dân ủy quyền cho các đại biểu của mình và giám sát đại biểu đó trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước. Nhân dân làm chủ bằng các hình thức trực tiếp và gián tiếp (thông qua các đại biểu, các cơ quan dân cử và các đoàn thể của nhân dân). Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Quyền làm chủ của nhân dân không chỉ được bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật, mà còn bằng hệ thống các phương tiện khác: báo chí và truyền thông, các thiết chế Quy chế Dân chủ ở cơ sở, bảo đảm “Dân biết, dân bàn, dân

làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong khi tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội của nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục chính trị và đạo đức, quyền và nghĩa vụ công dân, là “sợi dây” thắt chặt và “cây cầu” tin cậy bảo đảm mối liên hệ tự nhiên giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực nhà nước. Theo Hiến định, mỗi người dân được tự do làm những gì pháp luật không cấm. Đối với Nhà nước, nhân dân ủy một phần quyền để tạo thành nhà nước (quyền lực công, ý chí chung, tự do công cộng...), phần còn lại nhân dân tự do với các quyền của mình theo Hiến pháp và pháp luật. Đó là nguyên tắc. Chẳng hạn, người dân hiểu, nắm chắc các thủ tục khi thực hiện các quyền của mình để yêu cầu, đòi hỏi khi giải quyết các quyền công dân theo pháp luật bị những nhiễu, rồi nói không với nạn “phong bì”, đút lót: “Nếu dân hiểu biết, không chịu đút lót thì “quan” dù không liêm cũng phải hóa ra Liêm. Vì vậy dân phải biết quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát cán bộ để giúp cán bộ thực hiện chữ “Liêm”, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói. Như vậy, dưới sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm. Những điều mà pháp luật cấm là những điều được xã hội thỏa thuận và ghi thành khế ước (Hiến pháp) và được cụ thể hơn nữa thông qua các đạo luật. Đó cũng chính là giới hạn quyền lực của công dân (nhân dân) để công dân thực hiện đúng, đầy đủ và hiệu quả quyền lực của mình.

Vi lẽ đó, công dân cũng có thể lạm quyền hoặc vô hình buông bỏ quyền lực, khi sử dụng các quyền của mình: vì tự do cá nhân dẫn tới xâm hại tự do của xã hội và tự do của cá nhân khác, xâm hại đến ý chí chung, thậm chí phạm tội; dùng quyền tự do ngôn luận, quyền dân chủ, quyền biểu tình,... để gây rối, vô hình tùy tiện hoặc vô thức chống lại cộng đồng và xã hội; tình trạng bầu thay các cử tri trong việc lựa chọn đại biểu đại diện cho mình trong các cơ quan của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp,...

Như vậy, *một mặt*, cần phát huy dân chủ của nhân dân, để nhân dân có điều kiện thực hành dân chủ, hiện thực hóa quyền, nghĩa vụ và lợi ích của mình; *mặt khác*, Nhà nước, Đảng và tự nhân dân cũng cần có cơ chế kiểm soát các hoạt động tự do ngoài quy định của pháp luật: vô chính phủ xâm hại quyền tự do, dân chủ của cộng đồng và của các thành viên khác trong xã hội, xâm hại lợi ích quốc gia.

Với chức năng của mình, Đảng truyền truyền, vận động nhân dân biết sử dụng quyền lực của mình một cách hiệu quả, từ việc lựa chọn người đại diện cho mình đến giám sát, phản biện xã hội; từ việc khiếu nại, tố cáo đến biểu thị ý kiến đúng pháp luật... Từ nhiệm vụ của mình, Nhà nước kiểm soát các biểu hiện "dân chủ quá trớn", tự do vô lối bằng cách ban hành chính sách, pháp luật nhằm hạn chế tính tự phát, tâm lý đám đông tiêu cực trong các xung đột xã hội. Tới lượt mình, nhân dân kiểm soát Nhà nước trước hết qua hệ thống bầu cử, sử dụng các công cụ giám sát khác: thanh tra, kiểm toán, kiểm tra quyền lực của bộ máy nhà nước. Đồng thời, nhân dân thông qua các tổ chức có tính đại diện xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp; qua giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, qua hệ thống phương tiện truyền thông, để kiểm soát quyền lực nhà nước.

*Về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* của nhân dân, do nhân dân và vì nhân

dân có chức năng và nhiệm vụ quản lý toàn diện đất nước. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trên nền tảng chính trị xã hội là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật một cách dân chủ và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa thì thường. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thông qua sự *phân công, phân cấp*, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo *thống nhất và đồng bộ* từ cấp Trung ương tới cơ sở. Nhà nước quản trị quốc gia, quản lý xã hội trước hết bằng pháp luật, bằng hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước (từ các bộ đến các cơ sở) và bằng hệ thống sách và công cụ quản trị quốc gia, không loại trừ các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Nhà nước thực hiện quản lý trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao và quốc phòng; quản lý theo ngành hoặc lãnh thổ với các cấp vĩ mô hoặc vi mô. Mục tiêu của quản lý nhà nước là phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm cho nhân dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nhằm phát triển nhanh và mạnh mẽ lực lượng sản xuất và lực lượng xã hội toàn diện của đất nước, mà rường cột là xử lý mối quan hệ cốt tử giữa *Nhà nước và thị trường* (theo nghĩa rộng nhất của thị trường).

Nhà nước phục vụ nhân dân vô điều kiện theo pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu trách nhiệm giải trình trước nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa

và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người, bảo đảm tự do và dân chủ của toàn xã hội.

Đối với chúng ta, quyền lực nhà nước là từ nhân dân, của nhân dân. Bản thân Nhà nước, cơ quan nhà nước, công chức, viên chức nhà nước không thể tự sinh ra quyền lực, mà chỉ nhận sự ủy quyền của nhân dân, thay mặt nhân dân thực thi quyền lực của nhân dân mà thôi.

Do đó, để kiểm soát quyền lực nhà nước, phải tiếp tục đổi mới nhận thức và xây dựng các phương thức, quy trình, quy định và các thiết chế có liên quan đến quyền lực nhà nước, gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành một chỉnh thể. Bằng cách đó, việc kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện, nhằm ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái của cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước (phòng ngừa và triệt tiêu mọi sự tha hóa và thoái hóa quyền lực...), bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực thi theo Hiến pháp, pháp luật, đúng mục đích, trên cơ sở nhu cầu và ý nguyện của nhân dân.

Đó là vấn đề có tính quy luật.

Cơ chế kiểm soát từ bên trong (Nhà nước tự kiểm soát mình, các cơ quan nhà nước tự kiểm soát mình và kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước) nhằm bảo đảm sự thống nhất (về cơ cấu tổ chức, về mục tiêu hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp,...) giúp cho bộ máy nhà nước tránh được những nguy cơ đe dọa phá vỡ tính thống nhất và sự vận hành có hiệu quả cao của cả bộ máy nhà nước từ những sai lệch có thể xảy ra của mỗi cơ quan, mỗi bộ phận của bộ máy nhà nước; đồng thời, giữ cho các cơ quan nhà nước luôn duy trì được mối quan

hệ nội tại với nhau với tư cách là bộ phận của bộ máy chỉnh thể; mặt khác, để bảo đảm sự hợp lý trong việc phân công về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước phù hợp với những yêu cầu của quá trình thực hiện quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước thống nhất. Bảo đảm thực hiện phối hợp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu chung của cả bộ máy nhà nước nhằm duy trì sự kiểm soát, chế ước, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện không đúng, không hiệu quả trong việc thực hiện quyền lực nhà nước của mỗi cơ quan, nhân viên nhà nước hoặc của các thiết chế khác khi tham gia thực hiện quyền lực nhà nước, trong tính chỉnh thể thống nhất.

Nhìn tổng thể, quyền lực nhà nước được phân định thành quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và giao cho các cơ quan khác nhau của Nhà nước thực hiện. Vì vậy, đối với mỗi quyền lực nhà nước, cần phải thiết lập một cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận phù hợp nhưng bảo đảm thống nhất.

Hiện nay, *cơ chế kiểm soát quyền lập pháp* là xác lập những cơ sở pháp lý để cơ quan chuyên trách của nhánh quyền tư pháp được phân công kiểm tra quyền lập pháp dựa vào đó triển khai hoạt động giám sát tính hợp hiến - hợp pháp của các văn bản nhất định do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, tiến hành thủ tục xem xét đối với các vụ, việc có liên quan đến quyền lập pháp theo các quy định của Hiến pháp và các đạo luật khác, góp phần làm cho quá trình tổ chức, thực hiện quyền lập pháp được tuân thủ theo đúng các quy định và trong giới hạn của Hiến pháp và pháp luật,... vì lợi ích chung của nhân dân và xã hội, cũng như bảo vệ một cách hữu hiệu tính pháp chế cao nhất của Hiến pháp, những cơ sở của chế độ hiến định, các quyền và tự do của con người và của công dân với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại.

*Cơ chế kiểm soát quyền hành pháp* bao hàm hệ thống các phương thức, khả năng và

quy tắc đề qua đó nhận diện quyền lực hành pháp, chủ động khắc chế lệch lạc, điều chỉnh nó. Và đồng thời không chỉ theo dõi việc thực thi quyền lực hành pháp theo luật pháp mà còn đo lường hiệu quả của việc thực thi pháp luật.

*Cơ chế kiểm soát quyền tư pháp* là hệ thống các phương thức và quy tắc được thể hiện trong Hiến pháp và các đạo luật khác, với tư cách là những căn cứ pháp lý để thực thi. Quyền lập pháp thông qua cơ quan lập pháp cao nhất là Quốc hội được phân công giám sát hoạt động của quyền tư pháp, dựa vào đó triển khai công tác nhân sự cấp Trung ương trong các cơ quan tư pháp cao nhất của đất nước (Tòa án Nhân dân) hình thành cơ cấu tổ chức - hoạt động và thẩm định các báo cáo của cơ quan tư pháp cao nhất. Quyền tư pháp thông qua hệ thống tòa án, dựa vào đó triển khai các hoạt động với tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản pháp luật nhất định do cơ quan tư pháp thẩm quyền chung cao nhất và một số quan chức lãnh đạo cấp cao thuộc nhánh quyền tư pháp ban hành, tiến hành thủ tục tố tụng đối với các vụ, việc có liên quan đến quyền tư pháp theo các quy định của Hiến pháp và các đạo luật khác nhằm góp phần làm cho quá trình tổ chức, thực hiện quyền tư pháp được tuân thủ theo đúng các quy định và trong giới hạn của Hiến pháp và pháp luật. Đặc biệt, phải là một hệ thống tòa án độc lập trong xét xử, được xây dựng để không chỉ Nhà nước mới có quyền truy tố người dân, mà người dân cũng có quyền khởi kiện Nhà nước ra trước pháp luật. Hệ thống tư pháp này còn có thẩm quyền kiểm tra lại các văn bản lập pháp để chống lại lạm quyền và bảo vệ công lý...

Có thể nói, kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua nhiều cơ chế phân hệ kiểm soát đối với từng bộ phận quyền lực nhà nước. Với mỗi quyền lực, lại do nhiều cơ quan nhà nước được phân công, cùng phối hợp thực hiện và tiến hành việc kiểm soát quyền lực. Mỗi cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước có vị trí, vai trò, chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau nên lại cần có phương thức kiểm soát riêng đối với chúng. Giữa cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung với các cơ chế phân hệ luôn tác động, ảnh hưởng đa chiều rất phức tạp, song chúng luôn phải thống nhất với tư cách là một chỉnh thể.

Các chủ thể tham gia vào cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là những tổ chức và cá nhân có thẩm quyền, nghĩa là theo quy định của pháp luật, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm kiểm soát quyền lực nhà nước. Nội dung kiểm soát quyền lực nhà nước đối với mỗi loại quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) được pháp luật quy định khác nhau và chủ thể kiểm soát chỉ có thể kiểm soát đối với những nội dung đó và trong những phạm vi nhất định, theo luật định. Về nguyên tắc, *đối tượng bị kiểm soát là các tổ chức và cá nhân nắm giữ và thực hiện quyền lực nhà nước, không trừ một ai, một cơ quan nào.*

Nói khái lược, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là sự tổng hợp của nhiều “cơ chế kiểm soát có tính chất bộ phận”, nhằm kiểm soát tất cả các nhánh quyền lực nhà nước (quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp) dù ở các phạm vi khác nhau. Pháp luật là yếu tố cơ bản trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Nó phải quy định rất chặt chẽ, chính xác về các chủ thể có thẩm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước; về đối tượng, nội dung, hình thức, quy trình, hậu quả pháp lý... của việc kiểm soát. Trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của Nhà nước, nguyên tắc pháp chế luôn được đề cao, nó đòi hỏi tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước phải thực hiện vô điều kiện các quy định pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước trong tổ chức cũng như trong hoạt động. Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước do được xác lập bởi pháp luật nên luôn mang tính bắt buộc, công khai, minh bạch, đòi hỏi các chủ thể phải tiến hành thường xuyên hoặc theo định kỳ tùy theo đối tượng và các nội dung cần kiểm soát theo đúng pháp luật.

Trong các phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài, *bầu cử dân chủ là phương thức kiểm soát quyền lực quan trọng nhất*. Đây chính là sự tiếp nhận sự ủy quyền có điều kiện và có thời hạn của nhân dân đối với Nhà nước, và tới lượt mình, Nhà nước thực thi quyền lực nhà nước của nhân dân. Đây cũng chính là hình thức kiểm soát quyền lực nhà nước quan trọng nhất. Nó thể hiện quyền dân chủ của nhân dân và quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân có quyền, trách nhiệm và điều kiện để *lựa chọn* những người gắn bó, có trách nhiệm với vận mệnh của nhân dân, có quyền *giám sát* và quyền *bãi miễn* hoặc *thu hồi* lại quyền lực khi người đại diện được bầu không còn xứng đáng nữa. Trong lúc đó, với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng *lựa chọn* đảng viên giới thiệu ra ứng cử, để nhân dân bầu. Như vậy, một đại biểu được bầu phải đáp ứng được sự tín nhiệm của nhân dân và của Đảng. Đảng và nhân dân đều thực hiện sự giám sát của mình với các vị đại diện đó.

Cần lưu ý rằng, quy trình bầu cử trước hết phải dựa vào nhân dân, xuất phát từ nhân dân, bảo vệ sự tín nhiệm của nhân dân đối với đảng viên chứ không đơn thuần chỉ là một hình thức hợp pháp hóa “quy trình” nhân sự của Đảng. Đảng chỉ nên giới thiệu những người mà nhân dân tôn vinh xứng đáng nhất, tin cậy nhất và giới thiệu họ vào các vị trí trong bộ máy nhà nước. Ở đây, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý đặt ra vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước “trở thành một nhiệm vụ kép và có ý nghĩa kép: Đảng vừa thực hiện quyền lực lãnh đạo, vừa kiểm soát quyền lực nhà nước, nhân dân vừa kiểm soát quyền lực lãnh đạo của Đảng, vừa kiểm soát quyền lực nhà nước”.

Tới đây, thì mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước dù chặt chẽ đến mức Đảng “*hóa thân*” tới đâu và như thế nào trong Nhà nước<sup>(1)</sup>, thì không thể không lưu ý các hệ lụy: *Đảng hóa Nhà nước hay Nhà nước hóa Đảng*. Nghĩa là, không “nhắm lẫn” giữa quyền lực chính trị (lãnh đạo, cầm quyền) của Đảng và quyền

lực hành chính của Nhà nước, không để Đảng làm thay Nhà nước hay Nhà nước “thoái bộ” hoặc nằm ngoài sự kiểm soát của Đảng, hoặc tình trạng lưỡng phân... bảo đảm hệ thống quyền lực không bị rối loạn, tê liệt. Buông lỏng và làm trái, vô hình triệt tiêu sức mạnh của cả hai.

Như đã trình bày, tự kiểm soát bên trong chính là phương thức kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước với nhau, nghĩa là tổ chức bộ máy nhà nước bảo đảm các cơ quan quyền lực nhà nước, hoặc thực thi quyền lực nhà nước vừa thống nhất phối hợp hành động, vừa kiểm soát lẫn nhau để không một cơ quan nào có thể lạm quyền theo Hiến định, tại Điều 2, khoản 3, Hiến pháp năm 2013: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Mặc nhiên vậy, nhưng phải tiếp tục chế định rõ, một cách đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp; mà cao nhất là đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước, thật sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả trong các mối quan hệ giữa Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và hệ thống tư pháp trên các phương diện: lập pháp và hành pháp, hình thức kiểm soát của Quốc hội; lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn; thành lập đoàn giám sát tối cao giám sát hoạt động của các cơ quan của Chính phủ, quyền chế ước của Chính phủ đối với Quốc hội (quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động của Quốc hội, trình các dự luật cho Quốc hội, việc chống tham nhũng...). Nghĩa là, các cơ quan nhà

(1) Xem Nhị Lê: “Về sự cầm quyền của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 16 (8-2006); “Phát triển tinh quy luật và quy luật chính trị với định vị chiến lược vĩ thể, nâng cao năng lực và trách nhiệm cầm quyền của Đảng hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản Chuyên đề cơ sở*, số 116 (10-2016) và số 117 (11-2016)

nước nắm giữ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được thiết kế theo nguyên tắc kiểm soát và cân bằng lẫn nhau để không một cơ quan nào có thể lạm quyền.

Tất cả mọi tổ chức và công dân được phép làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm. Điều 8, Hiến pháp năm 2013, viết: “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Mọi sự tự do của người này bị giới hạn bởi sự tự do của người khác và bởi pháp luật. Điều đó, xét về mặt nguyên lý, quyền lực của Nhà nước bị giới hạn bởi Hiến pháp và pháp luật. Do đó, *kiểm soát quyền lực nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật là rất quan trọng*, bảo đảm tính dân chủ và thượng tôn pháp luật của Nhà nước pháp quyền của chúng ta. Điều đó không cho phép bất cứ tổ chức chính trị, xã hội nào, cố nhiên bất kể ai và lực lượng nào đứng trên, đứng ngoài Hiến pháp và pháp luật bảo đảm Nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chức năng công quyền, thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Một luận đề rất xác đáng, khi cho rằng, “hệ lụy nhà nước hóa xã hội vẫn còn trọng cho đến ngày nay. Nhà nước không thể là doanh nghiệp đi tìm kiếm lợi nhuận, hay đi biểu diễn nghệ thuật”. Điều đó quyết không phải là chuyện: “càng có một hệ thống hành chính (và cả tư pháp) ít chịu ảnh hưởng bởi chính trị, bởi tư duy và các chỉ tiêu nhiệm kỳ và một hệ thống chính trị không kiểm soát được từ sự những nhiều của hệ thống hành chính thông qua việc áp đặt các thủ tục (như các giấy phép con...) thì nền quản trị quốc gia mới có thể hữu hiệu và giảm nguy cơ tham nhũng”(!), như có ý kiến cổ tở ra công kích tư duy nhiệm kỳ, nạn tham nhũng ở một bộ phận công chức nhưng kỳ thực âm mưu đòi tách nền hành chính khỏi chính trị, hạ thấp, thủ tiêu chính trị, giống như luận điệu “phi chính trị hóa các lực lượng vũ trang”(!) gần đây, nhằm phi chính trị hóa nền hành chính của chúng ta. Điều đó khác hẳn với những nỗ lực kiện toàn các “chế định

mới của Hiến pháp tạo điều kiện để kiểm soát quyền lực nhà nước, để cắt bớt những “chiếc vòi bạch tuộc” của các “quan chức” quan liêu hàng ngày, hàng giờ tiêu tiền ngân sách, gây những nhiễu cho doanh nghiệp và người dân, can thiệp vào mọi mặt sinh hoạt của đời sống xã hội để trục lợi cho riêng mình”, như một ý kiến bày tỏ.

Để kiểm soát quyền lực nhà nước, *không thể không thực thi sự kiểm soát của các cơ quan tư pháp đối với các cơ quan nhà nước*. Tòa án Nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nó thực thi quyền tư pháp, có quyền xét xử đối với mọi đại biểu Quốc hội, thành viên Chính phủ, khi vi phạm pháp luật. Việc hiến định nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của thẩm phán, hội thẩm nhân dân, làm cho khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước của tòa án là tất yếu và công minh. Cùng với chức năng công tố, Viện Kiểm sát Nhân dân có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm kiểm soát, ngăn chặn được việc lạm quyền của cơ quan và công chức nhà nước, trong các hoạt động tư pháp.

Quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là quan hệ phối hợp hành động, được thực hiện theo luật pháp và các quy chế. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là người lãnh đạo Mặt trận, vừa là thành viên của Mặt trận. Vì vậy, quan hệ giữa Đảng và Mặt trận Tổ quốc *vừa là quan hệ lãnh đạo, vừa là quan hệ hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động*: Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và có trách nhiệm lắng nghe ý kiến đóng góp và phản biện của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội... Đảng, Nhà nước sửa đổi và hoàn thiện cơ chế, pháp luật và chính sách, đáp ứng các điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

(Còn nữa)